TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT: Thôn Z, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình (Hiện tạm trú tại Khu phố T, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương). *Có đơn xin xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã P vào ngày 24/9/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì tính cách và lối sống của vợ, chồng không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cải vã và dẫn đến sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- Về con chung và tài sản chung: Chị L khai nhận vợ, chồng có 01 con chung Trần Khánh N, sinh ngày 22/12/2009, hiện tại đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin xét xử vắng mặt đã được UBND phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương chứng thực, anh Lê Văn T trình bày:*

Anh T đã nhận được đầy đủ các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch. Tuy nhiên, do phải đi làm ăn xa, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, anh thống nhất với chị L về yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết việc ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Còn thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung và tài sản chung cũng như tình cảm vợ, đời sống chung hiện tại của vợ chồng đúng như chị L đã trình bày, nên anh không có ý kiến gì thêm. Hiện tại, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hòa hợp nên anh đồng ý thuận tình ly hôn và giao con chung Trần Khánh N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2020 theo yêu cầu của chị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, b khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết; mặt khác các đương sự đều thống nhất ý kiến lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T đã nhận được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, anh Tài đã làm bản tự khai thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh T đều trình bày ý kiến và xác định tình cảm vợ chồng không còn vì bất đồng trong quan điểm sống và lối sống, hiện tại vợ, chồng sống ly thân nhau, mỗi người mỗi nơi nên có cùng nguyện vọng được ly hôn nhau. Xét thấy, các đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài nhưng các bên không có những biện pháp tích cực nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau vun đắp cuộc sống gia đình. Qua đó cho thấy, tình cảm giữa các đương sự đã thực sự phai nhạt, mâu thuẫn kéo dài, khó có thể hàn gắn, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên các đương sự đều đồng ý thuận tình ly hôn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Lài là có cơ sở cần được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 01 con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 22/12/2009. Sau khi ly hôn các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, sự thỏa thuận việc nuôi con và mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là tự nguyện, đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Lê Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh N, sinh ngày 22/12/2009 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu Trần Khánh N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đượng sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí:

- Chị Trần Thị L phải chịu nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003367 ngày 03/02/2020 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Anh Trần Văn T phải chịu nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/5/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Phong Hóa, Tuyên Hóa, QB ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trung Thành